



CTY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG & PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ
TP. HỒ CHÍ MINH (FIDECO)
28 PHÙNG KHẮC KHOAN, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH,
VIETNAM

ĐT: 3822 1043 - 3823 0562 · FAX: 3822 5241



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO KỶ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2015**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01a – DN/HN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02a – DN/HN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03a – DN/HN)	7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09a – DN/HN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059081 do Trọng tài kinh tế TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1993.

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300590663, thay đổi lần thứ 30 ngày 5 tháng 11 năm 2014, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Bảo Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khánh Linh	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Ủy Viên
Bà Phạm Thị Hoài Thơ	Ủy Viên
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Ủy Viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thùy Trang	Trưởng ban
Ông Trần Cao Long	Ủy Viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Ủy Viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Trụ sở chính

28 Phùng Khắc Khoan, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. Hồ Chí Minh ("Công ty") chịu trách nhiệm soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 3 đến trang 39. Các báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 02 tháng 11 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 01a – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.9.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ Trình bày lại
100	Tài sản ngắn hạn		356.741.762.283	483.436.750.459
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	99.007.593.072	37.053.944.950
111	Tiền		14.665.564.026	13.053.944.950
112	Các khoản tương đương tiền		84.342.029.046	24.000.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		437.752.868	414.705.108.402
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	437.752.868	64.466.564.036
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4(a)	-	(8.761.455.634)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	-	359.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		250.513.309.214	26.305.159.697
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	16.218.298.150	15.257.911.448
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.246.814.188	8.370.271.726
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	182.485.000.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	67.161.957.936	19.275.737.583
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(16.598.761.060)	(16.598.761.060)
150	Tài sản ngắn hạn khác		6.783.107.129	5.372.537.410
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.001.866.935	381.739.918
152	Thuế GTGT được khấu trừ		3.602.425.708	3.569.783.343
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.291.251.035	941.712.233
155	Tài sản ngắn hạn khác		887.563.451	479.301.916

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 39 là một phần hợp thành các báo hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 01a – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.9.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		318.484.860.134	353.695.443.632
210	Các khoản phải thu dài hạn		2.754.495.696	-
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	2.754.495.696	-
220	Tài sản cố định		8.910.979.881	13.104.097.523
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	8.779.721.147	12.940.621.912
222	Nguyên giá		12.111.304.514	17.295.555.439
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.331.583.367)	(4.354.933.527)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	131.258.734	163.475.611
228	Nguyên giá		278.572.525	278.572.525
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(147.313.791)	(115.096.914)
230	Bất động sản đầu tư	10	94.864.257.477	47.235.941.921
231	Nguyên giá		124.696.478.831	75.170.535.560
232	Giá trị hao mòn lũy kế		(29.832.221.354)	(27.934.593.639)
240	Tài sản dở dang dài hạn		155.837.254.367	155.818.961.749
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	11	150.473.547.016	150.455.254.398
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	5.363.707.351	5.363.707.351
250	Đầu tư tài chính dài hạn		49.738.744.539	130.195.688.748
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(c)	48.911.093.539	48.894.958.748
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(d)	5.533.463.000	95.558.883.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(d)	(4.705.812.000)	(14.258.153.000)
260	Tài sản dài hạn khác		6.379.128.174	7.340.753.691
261	Chi phí trả trước dài hạn		472.950.778	588.631.929
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	-	64.533.425
269	Lợi thế thương mại	13	5.906.177.396	6.687.588.337
270	TỔNG TÀI SẢN		675.226.622.417	837.132.194.091

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 39 là một phần hợp thành các báo hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 01a – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30.9.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		224.930.136.112	291.111.971.047
310	Nợ ngắn hạn		120.958.513.943	193.103.881.564
311	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	97.175.118.780
312	Phải trả người bán ngắn hạn		866.911.738	734.535.379
313	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		410.387.361	1.811.989.898
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	38.435.695.938	2.208.171.213
316	Chi phí phải trả ngắn hạn		804.397.519	2.621.642.022
319	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	833.099.358	2.781.271.618
320	Phải trả ngắn hạn khác	16	58.773.618.118	64.700.813.143
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	10.598.018.239	10.598.018.239
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	10.236.385.672	10.472.321.272
330	Nợ dài hạn		103.971.622.169	98.008.089.483
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	15	99.830.987.380	96.004.771.244
337	Phải trả dài hạn khác		1.840.132.300	1.709.984.489
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19	2.004.260.989	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn		296.241.500	293.333.750
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		450.296.486.305	546.020.223.044
410	Vốn chủ sở hữu		450.296.486.305	546.020.223.044
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	276.099.880.000	276.099.880.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	20	276.099.880.000	276.099.880.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	198.611.990.000	198.611.990.000
415	Cổ phiếu quỹ	21	(39.402.708.840)	(39.402.708.840)
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	-	44.293.456.364
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	14.987.325.145	66.417.605.520
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ/năm trước		5.016.466.333	50.447.474.664
421b	LNST chưa phân phối kỳ/năm này		9.970.858.812	15.970.130.856
440	TỔNG NGUỒN VỐN		675.226.622.417	837.132.194.091



Nguyễn Thị Phương Thảo
Kế toán tổng hợp
Người lập



Phạm Đình Hoàng
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 11 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 39 là một phần hợp thành các báo hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 02a – DN/HN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ	30.9.2015 VNĐ	30.9.2014 VNĐ
01	Doanh thu	23	2.769.427.404	3.761.811.698	9.540.443.485	13.484.677.896
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	Doanh thu thuần		2.769.427.404	3.761.811.698	9.540.443.485	13.484.677.896
11	Giá vốn	24	(2.081.676.383)	(1.506.027.340)	(6.761.431.201)	(7.603.193.864)
20	Lợi nhuận gộp		687.751.021	2.255.784.358	2.779.012.284	5.881.484.032
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25	12.607.661.865	9.785.014.781	34.201.086.060	29.240.341.465
22	Chi phí tài chính	26	(9.411.966.060)	7.576.094	(14.267.390.819)	(308.586.279)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	(2.230.296.947)	(281.389.384)
24	Lãi trong công ty liên doanh, liên kết		(63.755.343)	(40.024.718)	16.134.792	33.926.891
25	Chi phí bán hàng		(122.769.490)	(192.918.451)	(307.086.114)	(518.499.301)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(3.964.938.352)	(5.545.392.504)	(12.891.750.540)	(14.155.091.238)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(268.016.358)	6.270.039.560	9.530.005.663	20.173.575.570
31	Thu nhập khác		1.899.156.041	218.469.395	5.134.621.094	258.989.763
32	Chi phí khác		(84.531.968)	-	(403.669.277)	(420.111.004)
40	Lợi nhuận/(chi phí) khác – Số thuần	28	1.814.624.073	218.469.395	4.730.951.817	(161.121.241)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.546.607.715	6.488.508.955	14.260.957.480	20.012.454.329
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	-	(1.312.404.988)	(2.221.304.254)	(4.065.976.750)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29	(1.207.957.597)	31.457.580	(2.068.794.414)	(163.077.150)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		338.650.118	5.207.561.547	9.970.858.812	15.783.400.429
61	Trong đó					
61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		-	-	-	-
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		338.650.118	5.207.561.547	9.970.858.812	15.783.400.429
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	13	189	382	572

Handwritten signature

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kế toán tổng hợp
Người lập

Handwritten signature

Phạm Đình Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 11 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 39 là một phần hợp thành các báo hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 03a – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ kết thúc ngày	
			30.9.2015 VNĐ	30.9.2014 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		14.260.957.480	20.012.454.329
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.059.399.008	4.914.308.323
03	(Giảm)/tăng các khoản dự phòng		89.491.792	15.525.944
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		29.392.567	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(20.338.567.168)	(25.864.677.794)
06	Chi phí lãi vay		2.230.296.947	281.389.384
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(1.669.029.374)	(640.999.814)
09	Giảm các khoản phải thu		(19.516.705.288)	126.897.078.344
10	Tăng hàng tồn kho		-	(28.988.074)
11	Giảm các khoản phải trả		(28.765.063.728)	(42.469.871.046)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		(504.445.866)	170.596.036
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.230.296.947)	(281.389.384)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.889.968.655)	(77.702.598.676)
16	Thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	(2.228.027.116)
17	Chi khác cho hoạt động kinh doanh		(235.978.600)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(55.811.488.458)	3.715.800.270
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(12.645.678.335)	(80.227.545)
22	Tiền thu từ TL nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		63.636.364	-
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(457.200.000.000)	(374.759.103.250)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		633.715.000.000	63.136.331.148
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.500.000.000)	(35.825.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		133.842.540.857	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27.971.155.187	24.710.650.733
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		323.246.654.073	(322.817.348.914)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	Mua lại cổ phiếu đã phát hành	21	-	(39.402.708.840)
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	115.835.768.445
34	Chi trả nợ gốc vay		(97.175.118.780)	(116.048.726.945)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(108.307.970.350)	(74.013.452.200)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(205.483.089.130)	(113.629.119.540)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		61.952.076.485	(432.730.668.184)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3	37.053.944.950	497.384.248.602
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.571.637	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	99.007.593.072	64.653.580.418

Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kế toán tổng hợp
Người lập

Hoàng

Phạm Đình Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 11 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 39 là một phần hợp thành các báo hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO KỶ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2015**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. Hồ Chí Minh ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059081 do Trọng tài kinh tế TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1993. Vào ngày 5 tháng 11 năm 2014, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 30 số 0300590663 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Công ty là một công ty cổ phần niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng dân dụng và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Vốn điều lệ đã góp	
			30.9.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Công ty con:				
Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chợ Thành ("Chợ Thành")	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, sản xuất nguyên vật liệu xây dựng	100%	11.800.000.000	11.800.000.000
Công ty liên kết:				
Công ty TNHH Phát triển Đô thị Đông Bình Dương ("Đông Bình Dương")	Đầu tư dự án khu dân cư thương mại dịch vụ Đông Bình Dương	30%	46.781.820.918	46.781.820.918

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Tập đoàn có 66 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 66 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các chính sách kế toán được áp dụng khi soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn là nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong niên độ trước.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 200 và Thông tư 202”) - Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Thông tư 200 và Thông tư 202 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Sau đây là một số các thay đổi đáng kể đến chính sách kế toán của Công ty được trình bày ở thuyết minh các chính sách kế toán chủ yếu:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ - Thuyết minh 2.6.
- Tiền và các khoản tương đương tiền - Thuyết minh 2.8.
- Quỹ dự phòng tài chính - Thuyết minh 2.22.

2.3 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Hợp nhất báo cáo

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Liên doanh và các bên liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh, liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015.

2.6 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.7 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.8 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc có thời hạn đáo hạn ban đầu trên ba tháng nhưng thời hạn thu hồi còn lại dưới ba tháng kể từ ngày báo cáo.

2.9 Đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 kỳ kinh doanh bao gồm: tiền gửi có kỳ hạn có thời gian đáo hạn trên 3 tháng, đầu tư chứng khoán ngắn hạn, cho vay ngắn hạn, và đầu tư ngắn hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng đầu tư được lập khi có sự suy giảm giá trị tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

(b) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn bao gồm sở hữu với tỉ lệ ít hơn 20% phần vốn ở các tổ chức niêm yết hoặc chưa niêm yết. Tập đoàn không có ý định thanh lý các khoản đầu tư này trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị các đầu tư này.

2.10 Đầu tư (tiếp theo)

(c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Tập đoàn xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

2.11 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ khó đòi được xác định là không thể thu hồi sẽ được lập dự phòng.

2.12 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của dự án nếu ngắn hơn. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được bất động sản đầu tư như chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng hệ thống đường, nước, điện.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 15 đến 40 năm.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.12 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản cố định mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính.

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.16 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

2.17 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại thể hiện khoản phát sinh từ việc mua các công ty con và công ty liên kết, là khoản khác biệt giữa số tiền phải thanh toán cho việc mua công ty con và công ty liên kết và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của các công ty này.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm kể từ ngày được ghi nhận.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong tương lai.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tại Tập đoàn. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tại Tập đoàn tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn sáu tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

2.21 Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu của Tập đoàn bao gồm:

Vốn góp của chủ sở hữu: phản ánh vốn do chủ sở hữu đầu tư hiện có và tình hình tăng, giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ: Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tập đoàn phát hành và được mua lại bởi chính Tập đoàn, nhưng nó không bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh lợi nhuận, (lỗ) sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày lập bảng cân đối kế toán này.

2.22 Trích lập các quỹ

(a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ này được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

(c) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09a – DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU(tiếp theo)

2.23 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

(b) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản đã được chuyển giao cho người mua.

(c) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(d) Thu nhập lãi và cổ tức

Thu nhập lãi và cổ tức được ghi nhận khi được hưởng.

2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU(tiếp theo)

2.25 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

2.26 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

2.27 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác

Chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư/tài sản được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư/tài sản đó.

2.28 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được các cổ đông phê chuẩn.

2.29 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 30.9.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
Tiền mặt	271.045.430	363.753.682
Tiền gửi ngân hàng	14.394.518.596	12.690.191.268
Các khoản tương đương tiền (*)	84.342.029.046	24.000.000.000
	<u>99.007.593.072</u>	<u>37.053.944.950</u>

(*) Đây là các khoản gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới ba tháng.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30.9.2015			31.12.2014		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Dự phòng VNĐ
MKP (*)	-	-	-	51.663.274.426	43.073.986.000	(8.589.288.426)
VNM (**)	437.752.868	437.752.868	-	2.626.517.208	2.415.800.000	(172.167.208)
HCM (***)	-	-	-	951.772.402	1.039.830.000	-
TCTHN (***)	-	-	-	9.225.000.000	-	-
	<u>437.752.868</u>	<u>437.752.868</u>	<u>-</u>	<u>64.466.564.036</u>	<u>46.529.616.000</u>	<u>(8.761.455.634)</u>

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hòa - Dược phẩm Mekophar ("MKP") đã được thanh lý toàn bộ với mục đích cơ cấu lại danh mục đầu tư.

(**) Một phần khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinamilk ("VNM") đã được thanh lý với mục đích cơ cấu lại danh mục đầu tư.
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinamilk ("VNM") được xác định dựa vào giá trị thị trường tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

(**) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HCM") và Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tạp Phẩm ("TCTHN") đã được thanh lý toàn bộ với mục đích cơ cấu lại danh mục đầu tư.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản đầu tư này có giá trị 359 tỷ đồng và đã được tất toán toàn bộ trước ngày 30 tháng 9 năm 2015.

(c) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	30.9.2015		31.12.2014	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Đông Bình Dương	48.974.848.882	-	48.894.958.748	-

Tháng 12 năm 2007, Công ty đã ký kết một hợp đồng liên doanh với Onshine Investment Limited ("Hợp đồng Liên doanh") để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án khu dân cư Đông Bình Dương (Thuyết Minh 11).

Theo Hợp đồng Liên doanh, các bên góp vốn thành lập cơ sở kinh doanh mới được đồng kiểm soát - Công ty TNHH Phát triển Đô thị Đông Bình Dương ("Đông Bình Dương"). Cơ cấu góp vốn của Đông Bình Dương như sau.

	Vốn điều lệ đăng ký		Vốn điều lệ thực góp	
		%		%
Công ty	92.248.400.000	30%	46.781.820.918	21,5%
Onshine Investment Limited	215.247.280.000	70%	170.704.903.788	78,5%
	<u>307.495.680.000</u>	<u>100%</u>	<u>217.486.724.706</u>	<u>100%</u>

Tại ngày phê duyệt báo cáo này, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30.9.2015			31.12.2014		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Dự phòng VNĐ
Vinashin (*)	450.000.000	-	(450.000.000)	450.000.000	-	(450.000.000)
Măng Đen (*)	3.300.000.000	-	(3.300.000.000)	3.300.000.000	-	(3.300.000.000)
TDH (**)	1.783.463.000	827.651.000	(955.812.000)	1.783.463.000	1.089.310.000	(694.153.000)
Vạn Hương (***)	-	-	-	76.332.000.000	76.332.000.000	-
Đông Á (***)	-	-	-	13.693.420.000	3.879.420.000	(9.814.000.000)
	<u>5.533.463.000</u>	<u>827.651.000</u>	<u>(4.705.812.000)</u>	<u>95.558.883.000</u>	<u>81.300.730.000</u>	<u>(14.258.153.000)</u>

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinashin ("Vinashin") và Công ty Cổ phần Sài Gòn - Măng Đen ("Măng đen") được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng đầu tư theo ước tính của Ban Tổng Giám Đốc.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát Triển Nhà Thủ Đức ("TDH") được xác định dựa vào giá trị thị trường tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

(***) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Du Lịch Vạn Hương ("Vạn Hương") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("Đông Á") để cơ cấu lại danh mục đầu tư.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 30.9.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
Bên thứ ba	16.218.298.150	15.257.911.448
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(3.657.661.060)	(3.657.661.060)
	<u>12.560.637.090</u>	<u>11.600.250.388</u>

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản cho vay các cá nhân được bảo lãnh bởi bên thứ ba bằng việc thế chấp cổ phiếu của Công ty với giá trị theo thị giá tại ngày 30 tháng 9 năm 2015.

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30.9.2015		31.12.2014	
	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư vào MKP	32.001.100.271	-	-	-
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư vào Sen Vàng	-	-	2.700.000.000	-
Phải thu tiền thanh lý hợp đồng thuê văn phòng (*)	2.082.946.240	-	-	-
Phải thu lãi tiền gửi và lãi cho vay	5.089.064.337	-	1.810.866.667	-
Phải thu cá nhân (**)	22.863.280.000	(8.100.000.000)	8.100.000.000	(8.100.000.000)
Ứng trước cho đối tác kinh doanh	3.650.000.000	(3.650.000.000)	5.150.000.000	(3.650.000.000)
Khác	1.475.567.088	(1.191.100.000)	1.514.870.916	(1.191.100.000)
	<u>67.161.957.936</u>	<u>(12.941.100.000)</u>	<u>19.275.737.583</u>	<u>(12.941.100.000)</u>

(*) Đây là các khoản phải thu trong vòng 12 tháng từ nhà cung cấp do thanh lý hợp đồng thuê trước hạn.

(**) Đây là khoản phải thu từ một cá nhân liên quan đến một vụ kiện tranh chấp với Công ty (Thuyết minh 36).

(b) Phải thu dài hạn khác

Đây là các khoản phải thu trên 12 tháng từ nhà cung cấp do thanh lý hợp đồng thuê trước hạn.

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN

	30.9.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 5)	(3.657.661.060)	(3.657.661.060)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))	(12.941.100.000)	(12.941.100.000)
	<u>(16.598.761.060)</u>	<u>(16.598.761.060)</u>

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Nhà máy xử lý nước thải VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	9.753.794.052	990.975.513	1.425.415.000	858.292.949	4.267.077.925	17.295.555.439
Thanh lý	-	(38.055.000)	(803.706.000)	-	-	(841.761.000)
Phân loại lại	(75.412.000)	-	-	-	(4.267.077.925)	(4.342.489.925)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	9.678.382.052	952.920.513	621.709.000	858.292.949	-	12.111.304.514
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	722.128.116	990.975.513	1.250.152.208	858.292.949	533.384.741	4.354.933.527
Khấu hao trong kỳ	189.101.457	-	27.137.460	-	-	216.238.917
Thanh lý	-	(38.055.000)	(655.580.668)	-	-	(693.635.668)
Phân loại lại	(12.568.668)	-	-	-	(533.384.741)	(545.953.409)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	898.660.905	952.920.513	621.709.000	858.292.949	-	3.331.583.367
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	9.031.665.936	-	175.262.792	-	3.733.693.184	12.940.621.912
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	8.779.721.147	-	-	-	-	8.779.721.147

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 2.4 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3 tỷ đồng).

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính
VND**Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và ngày 30 tháng 9 năm 2015

278.572.525

Hao mòn lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015

115.096.914

Khấu hao trong kỳ

32.216.877

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

147.313.791

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015

163.475.611

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

131.258.734

10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Bất động sản VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Nhà máy xử lý nước thải VNĐ	Khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	75.170.535.560	-	-	-	75.170.535.560
Tăng trong kỳ	1.091.802.597	43.424.159.363	1.643.513.256	-	46.159.475.216
Chuyển từ tài sản cố định	-	-	4.267.077.925	-	4.342.489.925
Thanh lý	(976.021.870)	-	-	-	(976.021.870)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	75.286.316.287	43.424.159.363	5.986.003.181	-	124.696.478.831
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	27.934.593.639	-	-	-	27.934.593.639
Khấu hao trong kỳ	989.213.065	322.065.996	742.512.155	-	2.053.791.216
Thanh lý	(156.163.501)	-	-	-	(156.163.501)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	28.767.643.203	322.065.996	742.512.155	-	29.832.221.354
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	47.235.941.921	-	-	-	47.235.941.921
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	46.518.673.084	43.102.093.367	5.243.491.026	-	94.864.257.477

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 20,8 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 20,8 tỷ).

11 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN

		Tại ngày 30.9.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
Chi phí SXKD dở dang của các dự án:			
Dự án khu dân cư Bình Trưng Đông	(i)	47.844.388.068	47.844.388.068
Dự án khu dân cư Đông Bình Dương	(ii)	26.449.393.943	26.431.101.325
Dự án khu dân cư Cần Giờ	(iii)	76.179.765.005	76.179.765.005
		150.473.547.016	150.455.254.398

- (i) Dự án xây dựng khu dân cư trên 136,9 ha đất Bình Trưng Đông, Quận 2, TP, HCM do Công ty XD & KD Nhà Phú Nhuận làm chủ đầu tư với 14 đơn vị tham gia trong đó có Công ty.

Công ty đã ký kết một hợp đồng với Công ty XD & KD Nhà Phú Nhuận với thỏa thuận: Công ty sẽ đóng góp kinh phí để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính khu dân cư Bình Trưng Đông. Sau đó, Công ty sẽ được quyền sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật nội bộ của dự án thành phần và khai thác diện tích đất tương đương 5 ha.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, chi phí của dự án này bao gồm chủ yếu là tiền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và kinh phí đóng góp cho Công ty XD & KD Nhà Phú Nhuận,

- (ii) Dự án xây dựng khu dân cư thương mại dịch vụ Đông Bình Dương được UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận cho Công ty đầu tư trên tổng diện tích quy hoạch khoảng 126 ha thuộc Xã Tân Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. Theo Công văn số 259/UB-SX ngày 19 tháng 1 năm 2004, Công ty đã hoàn tất việc giải phóng mặt bằng cho giai đoạn 1 là 94,7 ha và đã chuyển góp vốn vào Liên doanh (Thuyết minh 4(c)).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, chi phí của dự án này bao gồm chủ yếu là tiền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng cho các hộ dân cho diện tích đất 31,3 ha còn lại.

- (iii) Dự án xây dựng khu dân cư 31,8 ha tại Huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.

Ngày 28 tháng 2 năm 2002, Công ty ký một Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Savico") để thực hiện dự án này nhưng không thành lập một pháp nhân mới. Tỷ lệ vốn góp của mỗi bên là 50%.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, chi phí của dự án này bao gồm chủ yếu là tiền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và 11 tỷ đồng chi phí lãi vay được vốn hóa.

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí phát sinh cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành.

13 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại bao gồm cho các khoản chênh lệch từ việc mua lại cổ phần để sở hữu công ty con.

Biến động lợi thế thương mại trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ kết thúc ngày 30.9.2015 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	6.687.588.337	7.729.469.591
Phân bổ trong kỳ/năm	(781.410.941)	(1.041.881.254)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>5.906.177.396</u>	<u>6.687.588.337</u>

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 30.9.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	1.168.875.636	1.875.372.150
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	279.989.352
Thuế thu nhập cá nhân	3.382.248.682	52.809.711
Tiền sử dụng đất KCN	33.884.571.620	-
	<u>38.435.695.938</u>	<u>2.208.171.213</u>

15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn chủ yếu là tiền thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chợ Thành thực thu trước của khách hàng và phải thu theo tiến độ hợp đồng. Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ trong thời gian trong vòng từ 12 tháng đến 39 năm.

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 30.9.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
Tiền đặt cọc của khách hàng mua dự án Bình Trưng Đông	54.931.147.276	54.419.657.276
Phải trả cổ tức	802.185.423	621.900.823
Phải trả cho Công ty Thương Mại Sản Xuất Dịch Vụ Đức Lợi	-	5.712.157.000
Các khoản khác	3.040.285.419	3.947.098.044
	<u>58.773.618.118</u>	<u>64.700.813.143</u>

17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

(a) Ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền lãi có thể trả trên khoản thu được từ dự án Bình Trưng Đông theo ước tính của Ban Tổng Giám Đốc.

(b) Dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn là dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày lập báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09a – DN/HN

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Kỳ kết thúc ngày 30.9.2015 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	10.472.321.272	7.562.148.561
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 21)		5.145.520.897
Chi phúc lợi cho nhân viên	(260.935.600)	(2.693.217.716)
Khác	25.000.000	457.869.530
Số dư cuối kỳ/năm	<u>10.236.385.672</u>	<u>10.472.321.272</u>

19 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	30.9.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả)/Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	<u>(2.004.260.989)</u>	<u>64.533.425</u>

Biến động góp của thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	Kỳ kết thúc ngày 30.9.2015 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	64.533.425	329.971.790
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(2.068.794.414)	(265.438.365)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>(2.004.260.989)</u>	<u>64.533.425</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09a – DN/HN

20 CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Tại ngày 30.9.2015	Tại ngày 31.12.2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký	27.609.988	27.609.988
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	(1.512.557)	(1.512.557)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>26.097.431</u>	<u>26.097.431</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, Chơn Thành (công ty con) sở hữu 1.512.557 cổ phiếu tương ứng với 5,5% vốn cổ phần của Công ty.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (Phân loại lại theo Thông tư 200 và Thông tư 202)	276.099.880.000	198.611.990.000	-	36.569.241.198	215.559.229.683	726.840.340.881
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	15.970.130.856	15.970.130.856
Trích lập các quỹ	-	-	-	107.724.215.166	(107.724.215.166)	-
Điều chỉnh từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(100.000.000.000)	100.000.000.000	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.145.520.897)	(5.145.520.897)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2013	-	-	-	-	(57.980.974.800)	(57.980.974.800)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014	-	-	-	-	(90.774.381.900)	(90.774.381.900)
Thủ lao Hội Đồng Quản Trị	-	-	-	-	(3.486.662.256)	(3.486.662.256)
Chợn Thành mua lại cổ phiếu Công ty	-	-	(39.402.708.840)	-	-	(39.402.708.840)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	276.099.880.000	198.611.990.000	(39.402.708.840)	44.293.456.364	66.417.605.520	546.020.223.044
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	9.970.858.812	9.970.858.812
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	996.487.510	(996.487.510)	-
Chia cổ tức đợt 2 năm 2014	-	-	-	-	(111.820.451.400)	(111.820.451.400)
Điều chỉnh cổ tức năm 2014 chia cho Cty Chợn Thành	-	-	-	-	6.125.855.850	6.125.855.850
Điều chỉnh từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(45.289.943.874)	45.289.943.874	-
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	276.099.880.000	198.611.990.000	(39.402.708.840)	-	14.987.325.145	450.296.486.306

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 16 tháng 6 năm 2015 đã được phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09a – DN/HN

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm cổ phiếu mà Tập đoàn mua lại và nắm giữ như là cổ phiếu quỹ.

	Kỳ báo cáo từ	
	01.07.2015 đến 30.9.2015	01.07.2014 đến 30.9.2014
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	338.650.118	5.207.561.547
Bình quân số cổ phiếu phổ thông trong kỳ (cổ phiếu)	26.097.431	27.609.988
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	13	189

23 DOANH THU

	Kỳ báo cáo từ	
	01.07.2015 đến 30.9.2015 VNĐ	01.07.2014 đến 30.9.2014 VNĐ
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.389.962.884	2.015.062.304
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp	1.379.464.520	1.746.749.394
	2.769.427.404	3.761.811.698

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ báo cáo từ	
	01.07.2015 đến 30.9.2015 VNĐ	01.07.2014 đến 30.9.2014 VNĐ
Giá vốn cho thuê văn phòng	785.950.024	803.867.795
Giá vốn cho thuê khu công nghiệp	1.295.726.359	702.159.545
	2.081.676.383	1.506.027.340

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09a – DN/HN

25 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ báo cáo từ	
	01.07.2015 đến 30.9.2015 VNĐ	01.07.2014 đến 30.9.2014 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng và lãi cho vay	6.169.133.458	7.765.412.726
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	437.752.868	1.751.054.958
Cổ tức từ các khoản đầu tư	1.788.303.500	257.054.000
Lãi từ hoạt động khác	4.212.200.000	-
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	272.039	11.493.097
	<u>12.607.661.865</u>	<u>9.785.014.781</u>

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ báo cáo từ	
	01.07.2015 đến 30.9.2015 VNĐ	01.07.2014 đến 30.9.2014 VNĐ
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	9.130.362.287	-
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	374.477
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	71.602.773	2.169.887
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	210.001.000	71.982.792
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	-	(82.103.250)
	<u>9.411.966.060</u>	<u>(7.576.094)</u>

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ báo cáo từ	
	01.07.2015 đến 30.9.2015 VNĐ	01.07.2014 đến 30.9.2014 VNĐ
Chi phí nhân viên	2.113.049.887	2.245.557.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.024.969	132.564.725
Khấu hao tài sản cố định	74.620.824	1.595.907.448
Chi phí khác	1.722.242.672	1.571.362.976
	<u>3.964.938.352</u>	<u>5.545.392.504</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09a – DN/HN

28 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ báo cáo từ	
	01.07.2015 đến 30.9.2015 VNĐ	01.07.2014 đến 30.9.2014 VNĐ
Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ	254.545.455	-
Khác	1.644.610.586	218.469.395
	<u>1.899.156.041</u>	<u>218.469.395</u>
Chi phí khác		
Thanh lý TSCĐ	(84.488.968)	-
Khác	(43.000)	-
	<u>(84.531.968)</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận/(lỗ) khác	<u>1.814.624.073</u>	<u>218.469.395</u>

29 THUẾ

Thuế trên lợi nhuận chịu thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành áp dụng cho Tập đoàn như sau:

	Kỳ báo cáo từ	
	01.07.2015 đến 30.9.2015 VNĐ	01.07.2014 đến 30.9.2014 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.546.607.715	6.488.508.955
Thuế tính ở thuế suất hiện hành	340.253.697	1.427.471.970
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(14.026.175)	(47.746.442)
Chi phí không được khấu trừ	57.303.469	9.181.433
Điều chỉnh chênh lệch thuế suất giữa các công ty trong cùng tập đoàn	824.426.607	(15.023.911)
Khác	-	(92.935.642)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.207.957.597</u>	<u>1.280.947.408</u>
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.312.404.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.207.957.597	(31.457.580)
	<u>1.207.957.597</u>	<u>1.280.947.408</u>

Chi phí thuế thu nhập của Tập Đoàn trong kỳ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09a – DN/HN

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ báo cáo từ	
	01.07.2015 đến 30.9.2015 VNĐ	01.07.2014 đến 30.9.2014 VNĐ
Chi phí nhân viên	2.725.474.111	2.944.628.503
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.183.697.706	1.677.208.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.411.134.982	1.051.137.817
Chi phí bằng tiền khác	849.077.426	1.571.362.976
	<u>6.169.384.225</u>	<u>7.244.338.295</u>

31 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

i) Các khoản chi bao gồm lương và thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	Kỳ báo cáo từ	
	01.07.2015 đến 30.9.2015 VNĐ	01.07.2014 đến 30.9.2014 VNĐ
Lương và lợi ích khác	<u>879.706.910</u>	<u>1.025.918.383</u>

ii) Các giao dịch khác:

Thanh lý Vạn Hương cho một cổ đông lớn trước đây (Thuyết minh 4).

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Tập đoàn.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

	Kỳ quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015		
	Thành phố Hồ Chí Minh VNĐ	Tỉnh Bình Phước VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu	1.389.962.884	1.379.464.520	2.769.427.404
Giá vốn	(1.161.007.024)	(1.295.726.359)	(2.456.733.383)
Lợi nhuận gộp	<u>228.955.860</u>	<u>83.738.161</u>	<u>312.694.021</u>
	Kỳ quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014		
	Thành phố Hồ Chí Minh VNĐ	Tỉnh Bình Phước VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu	2.015.062.304	1.746.749.394	3.761.811.698
Giá vốn	(803.867.795)	(702.159.545)	(1.506.027.340)
Lợi nhuận gộp	<u>1.211.194.509</u>	<u>1.044.589.849</u>	<u>2.255.784.358</u>

33 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Kỳ quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015		
	Cho thuê văn phòng VNĐ	Cho thuê khu công nghiệp VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu	1.389.962.884	1.379.464.520	2.769.427.404
Giá vốn	(1.161.007.024)	(1.295.726.359)	(2.456.733.383)
Lợi nhuận gộp	<u>570.838.925</u>	<u>1.317.830.099</u>	<u>312.694.021</u>

	Kỳ quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014		
	Cho thuê văn phòng VNĐ	Cho thuê khu công nghiệp VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu	2.015.062.304	1.746.749.394	3.761.811.698
Giá vốn	(803.867.795)	(702.159.545)	(1.506.027.340)
Lợi nhuận gộp	<u>1.211.194.509</u>	<u>1.044.589.849</u>	<u>2.255.784.358</u>

34 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Tập đoàn phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tập đoàn. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Ban Tổng Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

34 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn không chịu rủi ro lớn từ biến động của các đồng ngoại tệ vì số dư các tài khoản bằng ngoại tệ của Tập đoàn là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết Tập đoàn đang nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng việc Hội đồng quản trị của Tập đoàn xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty đánh giá rủi ro về biến động giá cổ phiếu là không trọng yếu.

(iii) Rủi ro lãi suất

Tập đoàn không chịu rủi ro về lãi suất vì các khoản vay đã được tắt toán.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Chính sách của Tập đoàn là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo Tập đoàn luôn có quỹ dự trữ tiền mặt đầy đủ để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09a – DN/HN

34 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015		
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	59.640.529.856	1.840.132.300
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014		
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	65.435.348.522	1.709.984.489
Các khoản vay	97.175.118.780	-
	<u>162.610.467.302</u>	<u>1.709.984.489</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

(d) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng ngắn hạn, ký quỹ ngắn hạn, và các khoản phải trả người bán và phải trả khác ngắn hạn là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

35 CAM KẾT GÓP VỐN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, các cam kết góp vốn của Công ty như sau:

	Vốn điều lệ đăng ký VNĐ	Vốn đã góp VNĐ	Vốn còn phải góp VNĐ
Công ty CP Sài Gòn – Măng Đen	30.000.000.000	3.300.000.000	26.700.000.000
Công ty TNHH Phát triển Đô Thị Đông Bình Dương	92.248.400.000	46.781.820.918	45.466.579.082
Tổng cộng	<u>122.248.400.000</u>	<u>50.081.820.918</u>	<u>72.166.579.082</u>

36 NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty có phát sinh tranh chấp liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và một cá nhân. Theo Bản án dân sự của Tòa án Nhân dân Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trước đây, Công ty phải thanh toán phí môi giới cho cá nhân này với số tiền là 14 tỷ. Tuy nhiên, ngày 11 tháng 5 năm 2015, Tòa án Nhân dân Tối cao đã ra quyết định đình chỉ thi hành bản án nêu trên và sẽ được Tòa án Nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử lại. Do chưa biết được kết quả vụ kiện một cách chắc chắn nên Công ty chưa lập dự phòng tại ngày lập báo cáo này.

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành ngày 02 tháng 11 năm 2015.



Nguyễn Thị Phương Thảo
Kế toán tổng hợp
Người lập



Phạm Đình Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Số: 08211/EVAFDC-2015

Tp Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2015

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP Hồ Chí Minh.**

Tên tổ chức : CTCP Ngoại Thương và Phát triển Đầu tư TPHCM (Công ty CP Fideco)
Trụ sở chính : 28 Phùng Khắc Khoan, Quận 1, TPHCM
Điện thoại : 3822 1043 Fax: 3822 5241
Mã chứng khoán : FDC

Thực hiện theo thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 và căn cứ Kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2015, Công ty CP Fideco giải trình biến động lợi nhuận như sau:

A. Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ.

- Lợi nhuận sau thuế Quý 3 năm 2015: **1.285.135.554 đồng**
- Lợi nhuận sau thuế Quý 3 năm 2014: **4.756.861.023 đồng**

Lợi nhuận sau thuế của Quý 3 năm 2015 giảm so với cùng kỳ năm 2014 do lỗ từ việc thanh lý danh mục đầu tư chứng khoán.

B. Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý 3 năm 2015: **338.650.118 đồng**
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý 3 năm 2014: **5.207.561.547 đồng**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Quý 3 năm 2015 giảm so với cùng kỳ năm 2014 do lỗ từ việc thanh lý danh mục đầu tư chứng khoán của Công ty mẹ.

Trân trọng,

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDECO
TỔNG GIÁM ĐỐC
CỔ PHẦN
NGOẠI THƯƠNG
VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ
TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Quốc Việt